ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_1_1 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 1C (13:30 - 14:10) GĐ: PM 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	1	DTZ1156120002	ĐẶNG KIỀU	ANH	20/03/1993					
2	2	DTZ1253201010002	NGUYỄN THỊ	ÁNH	25/05/1994					
3	3	DTZ1254403010076	NGUYỄN THỊ	ÁNH	21/05/1994					
4	4	DTZ1257601010001	TÔ THỊ	BẠCH	12/05/1994					
5	5	DTZ1257601010002	LÈNG THỊ	BẾ	14/07/1993					
6	6	DTZ1254401020020	LÊ THỊ	BÌNH	16/10/1994					
7	7	DTZ1252201130018	LÝ THỊ	BÓNG	02/09/1994					
8	8	DTZ1252203300055	NGUYỄN THỊ	CHÂM	13/05/1994					
9	9	DTZ1257601010006	GIÀNG A SỸ	CHANG	05/07/1994					
10	10	DTZ1253404010004	NGUYỄN MINH	CHÂU	17/02/1994					
11	11	DTZ1253404010005	TỐNG LINH	CHI	18/09/1994					
12	12	DTZ1257601010007	HOÀNG THỊ	CHIÊN	20/10/1993					
13	13	DTZ1255281020028	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	08/03/1993					
14	14	DTZ1156120009	NGUYỄN MINH	CHÍNH	17/07/1993					
15	15	DTZ1252203300020	TRẦN THỊ	CHUNG	11/07/1994					
16	16	DTZ1252203100037	BÙI VĂN	CHƯƠNG	01/04/1991					
17	17	DTZ1255281020060	DƯƠNG THẾ	CÔNG	26/05/1994					
18	18	DTZ1156120131	VY CHÍ	CÔNG	08/07/1992					
19	19	DTZ1152310002	DƯƠNG VĂN	CÙ	03/09/1993					
20	20	DTZ1252203300042	BÙI KIM	CÚC	08/04/1994					
21	21	DTZ1156100223	LONG VĂN	CƯƠNG	11/11/1991					
22	22	DTZ1156130012	TRIỆU ĐÌNH	CƯƠNG	02/01/1993					
23	23	DTZ1254403010055	HOÀNG KHẢI	CƯỜNG	09/10/1994					
24	24	DTZ1255281020002	BÙI THỊ	DIỆP	11/08/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_1_2 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 1C (13:30 - 14:10) GĐ: PM 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	25	DTZ1258501010067	TRẦN VĂN	ĐẠT	29/11/1994					
2	26	DTZ1252203100006	TRIỆU QUỐC	ĐẠT	27/07/1993					
3	27	DTZ1253404010009	NGUYỄN THỊ	DOAN	27/03/1994					
4	28	DTZ1156120017	LÝ THỊ	ĐOAN	09/10/1993					
5	29	DTZ1253404010010	TRIỆU VĂN	ĐỨC	19/04/1994					
6	30	DTZ1257601010012	NÔNG THỊ	DUNG	05/07/1994					
7	31	DTZ1253201010010	THI VĂN	DUY	19/09/1994					
8	32	DTZ1253404010129	HOÀNG NGỌC	DUYÊN	19/05/1993					
9	33	DTZ1252203100075	NGÔ THỊ KIM	DUYÊN	30/08/1994					
10	34	DTZ1156140006	PHAN THỊ	DUYÊN	26/08/1993					
11	35	DTZ1252203300094	NGUYỄN THỊ	GÁI	11/09/1994					
12	36	DTZ1253404010017	TRIỆU TÀI	GIANG	14/04/1994					
13	37	DTZ1253404010119	BÙI THỊ	HÀ	21/06/1994					
14	38	DTZ1252203100087	DƯƠNG THỊ	HÀ	08/11/1994					
15	39	DTZ1252203100080	LĂNG THỊ BÍCH	HÀ	12/03/1994					
16	40	DTZ1253404101200	LỤC TRUNG	HẢI	17/03/1994					
17	41	DTZ1257601010124	LƯỜNG MINH	HẢI	29/02/1992					
18	42	DTZ1257601010123	NÔNG THANH	HẢI	02/06/1994					
19	43	DTZ1056100072	ĐẶNG THỊ THÚY	HẰNG	16/09/1991					
20	44	DTZ1254401020016	HOÀNG THỊ	HẰNG	09/07/1994					
21	45	DTZ1252203300125	MAI THỊ	HẠNH	16/08/1993					
22	46	DTZ1257601010075	NGUYỄN THỊ	HẠNH	28/12/1994					
23	47	DTZ1156130078	LÝ	HÀO	12/02/1993					
24	48	DTZ1254403010016	NGUYỄN THỊ	HẢO	24/02/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_1_3 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 1C (13:30 - 14:10) GĐ: PM 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	49	DTZ1153310013	NGUYỄN THỊ	HẰNG	23/01/1993					
2	50	DTZ1056100107	NGUYỄN THỊ MINH	HẰNG	23/04/1992					
3	51	DTZ1257601010015	TĂNG THỊ	HẰNG	11/08/1993					
4	52	DTZ1257601010085	TRẦN THỊ	HẰNG	20/10/1994					
5	53	DTZ1254202010011	NGUYỄN THỊ	HIỀN	27/10/1994					
6	54	DTZ1253404010111	TRIỆU THỊ	HIỀN	25/07/1993					
7	55	DTZ1257601010017	VIÊN THỊ	HIỀN	10/11/1994					
8	56	DTZ1056110102	HÀ ĐỨC	HIỆP	08/10/1992					
9	57	DTZ1258501010025	HÀ TRUNG	HIẾU	06/03/1993					
10	58	DTZ1156130021	HOÀNG THỊ	HOA	01/09/1993					
11	59	DTZ1253404010030	TẠ THỊ	HÒA	17/10/1994					
12	60	DTZ1253404010031	NỊNH THỊ	HOÀI	27/09/1994					
13	61	DTZ1254403010020	HÀ HỒNG	HOAN	04/12/1994					
14	62	DTZ1254402170058	PHẠM THỊ	HOÀN	09/07/1994					
15	63	DTZ1257601010098	HỨA THỊ	HỒNG	24/01/1994					
16	64	DTZ1252203300044	ĐINH THỊ	HUẾ	07/06/1994					
17	65	DTZ1257601010021	TRIỆU VĂN	HUẾ	13/07/1991					
18	66	DTZ1253404010122	TRIỆU THỊ	HUỆ	17/08/1994					
19	67	DTZ1252201130020	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	09/03/1994					
20	68	DTZ1255281020011	PHẠM ĐẮC	HUY	19/05/1994					
21	69	DTZ1252203100088	PHẠM THỊ	HUYÊN	16/11/1994					
22	70	DTZ1252201130012	BÙI THU	HUYỀN	28/08/1994					
23	71	DTZ1156100158	CHU THỊ KHÁNH	HUYỀN	28/08/1993					
24	72	DTZ1257601010066	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	20/01/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_2_4 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 2C (14:20 - 15:00) GĐ: PM 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	73	DTZ0951300062	HÀ VĂN	HƯNG	05/02/1991					
2	74	DTZ1252203300039	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	27/09/1994					
3	75	DTZ1257601010022	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	17/06/1994					
4	76	DTZ1252203300101	LƯU THỊ	HƯƠNG	14/10/1994					
5	77	DTZ1255281020009	LƯU THỊ	HƯỜNG	20/01/1994					
6	78	DTZ1254403010023	ĐẶNG THU	HUYỀN	15/02/1993					
7	79	DTZ1253201010026	ĐỖ THU	HUYỀN	20/08/1994					
8	80	DTZ1252203300103	HÀ THỊ	HUYỀN	01/01/1994					
9	81	DTZ1056140070	LỮ THỊ THANH	HUYỀN	09/10/1991					
10	82	DTZ1252203300054	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	09/03/1994					
11	83	DTZ1257601010023	NÔNG THỊ	HUYỀN	02/04/1994					
12	84	DTZ1252203100084	HOÀNG VĂN	KHẮC	29/07/1992					
13	85	DTZ1253404010040	TRƯƠNG ĐẠI	KHOA	20/06/1993					
14	86	DTZ1152320181	GIANG CHÍ	KIÊN	27/03/1993					
15	87	DTZ0956120117	HOÀNG VĂN	LAI	16/06/1990					
16	88	DTZ1253404010044	NGUYỄN THỊ	LÀI	18/03/1993					
17	89	DTZ1253201010078	ĐỊCH PHƯƠNG	LAN	24/04/1994					
18	90	DTZ1257601010027	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	LAN	25/07/1994					
19	91	DTZ1252203300123	NGUYỄN THỊ	LAN	04/01/1994					
20	92	DTZ1252203300116	ÔN THỊ	LAN	04/03/1994					
21	93	DTZ1257601010028	LA VĂN	LÂN	15/09/1994					
22	94	DTZ1253404010048	DƯƠNG THỊ	LỊCH	29/08/1992					
23	95	DTZ1252203300110	NGUYỄN HỒNG	LIÊN	08/03/1994					
24	96	DTZ1257601010077	MA THỊ	LINH	23/05/1993					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_2_5 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 2C (14:20 - 15:00) GĐ: PM 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	97	DTZ1253404010056	NGUYỄN DIỆU	LINH	14/02/1994					
2	98	DTZ1156100067	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	16/07/1993					
3	99	DTZ1253201010075	TRẦN THUỲ	LINH	12/06/1994					
4	100	DTZ1255281020038	DƯƠNG THỊ	LOAN	13/11/1994					
5	101	DTZ1254402170005	MA THỊ	LOAN	08/11/1994					
6	102	DTZ1252203100005	TRIỆU ĐÌNH	LỤ	15/09/1992					
7	103	DTZ1156170023	LÃNH THỊ	LUYỆN	22/01/1993					
8	104	DTZ1254402170048	PHAN LÊ	LY	23/08/1994					
9	105	DTZ1252203300006	MA THỊ	LÝ	18/10/1994					
10	106	DTZ1258501010036	NGUYỄN VĂN	LÝ	07/07/1993					
11	107	DTZ1252203100020	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MAI	22/04/1993					
12	108	DTZ1252203300087	HÀ QUANG	MẠNH	09/07/1994					
13	109	DTZ1253404010062	ĐỖ THỊ	MẾN	08/05/1994					
14	110	DTZ1252203300024	NÔNG THỊ	MINH	13/10/1993					
15	111	DTZ1252203100085	NÔNG VĂN	MINH	29/04/1993					
16	112	DTZ1252203300070	ĐÀM THỊ	NAM	09/09/1994					
17	113	DTZ1257601010032	ĐẶNG THÀNH	NAM	04/12/1994					
18	114	DTZ1252203300077	NGUYỄN HỮU	NAM	20/09/1991					
19	115	DTZ1255104010006	LỰ THỊ	NGA	29/08/1994					
20	116	DTZ1252203100040	NGHIÊM QUỲNH	NGA	21/05/1994					
21	117	DTZ1252203300061	NGUYỄN THỊ	NGỌC	08/03/1993					
22	118	DTZ1252203100086	NGUYỄN VĂN	NGỌC	17/09/1994					
23	119	DTZ1257601010080	TRIỆU THỊ	NIÊN	10/07/1994					
24	120	DTZ1257601010089	HOÀNG THỊ	NUÔI	18/12/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_2_6 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 2C (14:20 - 15:00) GĐ: PM 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	121	DTZ1252203100019	ĐẶNG CHÍ	NGUYÊN	11/06/1994					
2	122	DTZ1254202010022	LÊ THỊ MINH	NHÂM	06/05/1993					
3	123	DTZ1254202010049	LÊ THỊ THANH	NHẠN	15/07/1994					
4	124	DTZ1252203300090	NGÔ HẢI	NHI	15/03/1994					
5	125	DTZ1254402170027	NGUYỄN THỊ	NHU	15/11/1994					
6	126	DTZ1257601010036	NÔNG THỊ LỆ	NHƯ	29/01/1994					
7	127	DTZ1252203100060	HÀ THỊ	NHUNG	03/10/1994					
8	128	DTZ1152320136	TRẦN THỊ	NHUNG	09/09/1993					
9	129	DTZ1257601010037	HOÀNG THỊ	NHƯỜNG	21/11/1994					
10	130	DTZ1257601010038	HOÀNG THỊ	OANH	06/07/1994					
11	131	DTZ1252203100046	LÝ MÍ	PÁO	05/10/1991					
12	132	DTZ1257601010040	DƯƠNG MÚI	PHIN	07/05/1994					
13	133	DTZ1252203300076	LÊ THỊ THU	PHƯƠNG	04/08/1994					
14	134	DTZ1257601010041	NGÔ THỊ	PHƯƠNG	18/09/1993					
15	135	DTZ1254403010035	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	30/09/1994					
16	136	DTZ1255281020016	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	01/09/1994					
17	137	DTZ1258501010043	PHẠM TRẦN HIỀN	PHƯƠNG	09/12/1994					
18	138	DTZ1255281020061	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	30/12/1994					
19	139	DTZ1257601010091	NÔNG THỊ	PHƯỢNG	28/12/1993					
20	140	DTZ1156130054	HOÀNG THỊ LỆ	QUYÊN	09/09/1993					
21	141	DTZ1253404010077	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	26/02/1994					
22	142	DTZ1152320124	NÔNG THỊ	QUỲNH	18/06/1993					
23	143	DTZ1254402170009	PHẠM NHƯ	QUỲNH	12/07/1994					
24	144	DTZ1252201130061	TRIỆU THỊ TRƯỜNG	QUỲNH	23/12/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_3_7 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 3C (15:10 - 15:50) GĐ: PM 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	145	DTZ1252203300033	LÙ ÁNH	SÁNG	06/05/1993					
2	146	DTZ1253404010079	MA VĂN	SÁNG	13/01/1994					
3	147	DTZ1252201130001	MA THỊ	SEN	10/10/1994					
4	148	DTZ1254402170012	NÔNG VĂN	TÀI	03/02/1994					
5	149	DTZ1252203300127	DƯƠNG THỊ	THANH	16/06/1994					
6	150	DTZ1253404010083	NGUYỄN THỊ	THANH	08/02/1994					
7	151	DTZ1252203300073	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	04/07/1994					
8	152	DTZ1253201010048	CHU THỊ BÍCH	THẢO	24/12/1993					
9	153	DTZ1255281020023	ĐỖ NGỌC	TIÊN	08/09/1994					
10	154	DTZ1252203100053	ĐỒNG THỊ	TIÊU	01/03/1993					
11	155	DTZ1252203300107	MA THỊ	TIÊU	24/08/1994					
12	156	DTZ1257601010130	HOÀNG THỊ	TOAN	17/02/1993					
13	157	DTZ1252203300089	LƯU THỊ	TOÁN	27/04/1994					
14	158	DTZ1252203100015	ĐẶNG HỮU	TUẤN	24/04/1992					
15	159	DTZ1253201010054	NGUYỄN MINH	TUẤN	30/12/1992					
16	160	DTZ1252203100004	PHÙNG MINH	TUẤN	06/07/1993					
17	161	DTZ115600183	TRẦN MINH	TUẤN	28/02/1993					
18	162	DTZ1252201130052	NGUYỄN HỮU	TÙNG	08/02/1994					
19	163	DTZ1252203100010	NGUYỄN SƠN	TÙNG	09/08/1994					
20	164	DTZ1253404010102	BÙI THỊ	TUYÊN	06/02/1994					
21	165	DTZ1253201010055	NGUYỄN THỊ	TUYẾN	20/06/1994					
22	166	DTZ1257601010090	LỤC THỊ	TUYỀN	10/12/1993					
23	167	DTZ1253404010105	LIỄU THỊ	TUYẾT	18/09/1994					
24	168	DTZ1252203100066	TRỊNH THỊ	TUYẾT	20/10/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_3_8 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 3C (15:10 - 15:50) GĐ: PM 2

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	169	DTZ1056130081	HOÀNG DUY	THÂN	28/08/1990					
2	170	DTZ1252203100016	ĐÀO THỊ	THẢO	15/09/1994					
3	171	DTZ1254402170013	HOÀNG THỊ	THẢO	28/04/1994					
4	172	DTZ1156180026	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	29/06/1993					
5	173	DTZ1252203300005	NGUYỄN THỊ	THẢO	27/04/1994					
6	174	DTZ1252203300068	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	THẢO	03/12/1994					
7	175	DTZ1252201130003	NGUYỄN VĂN	THẢO	20/02/1994					
8	176	DTZ1253404010118	TRẦN THỊ HƯƠNG	THẢO	13/11/1994					
9	177	DTZ1257601010048	MA XUÂN	THÊM	24/07/1993					
10	178	DTZ1253404010086	NGUYỄN THỊ	THIÊM	30/10/1994					
11	179	DTZ1257601010049	HOÀNG VĂN	THIỆP	10/07/1994					
12	180	DTZ1252201130053	BẾ VĂN	THỊNH	18/01/1994					
13	181	DTZ1257601010050	HOÀNG THỊ	THỊNH	05/10/1994					
14	182	DTZ1252203300019	KIỀU THỊ	THƠM	05/02/1993					
15	183	DTZ1257601010052	HOÀNG LỆ	THU	27/07/1994					
16	184	DTZ1156140020	HOÀNG ĐỨC	THUẬN	16/06/1991					
17	185	DTZ1252203300011	HOÀNG THỊ	THUỲ	29/06/1994					
18	186	DTZ1252203300016	TRẦN THỊ	THUỲ	25/02/1994					
19	187	DTZ1257601010095	ĐẶNG THỊ	THUỶ	03/01/1994					
20	188	DTZ1257601010053	LÊ THỊ	THUỶ	14/12/1994					
21	189	DTZ1156170039	DƯƠNG THỊ	THÙY	14/09/1993					
22	190	DTZ1253404010091	NÔNG THỊ	THÙY	25/10/1994					
23	191	DTZ1156100227	HOÀNG THỊ	THỦY	07/04/1992					
24	192	DTZ1254402170015	TOÀN THỊ	THỦY	18/03/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_3_9 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 3C (15:10 - 15:50) GĐ: PM 3

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1	193	DTZ1257601010051	DIỆP THỊ KIM	THƯ	02/06/1994					
2	194	DTZ1156100178	TRẦN THỊ	THÚY	02/03/1992					
3	195	DTZ1254402170017	ĐẶNG THỊ	TRANG	11/03/1993					
4	196	DTZ1156170075	DƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	25/11/1993					
5	197	DTZ1156170055	HOÀNG THU	TRANG	08/01/1993					
6	198	DTZ1253201010051	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	01/08/1994					
7	199	DTZ1156170044	NGUYỄN THỊ	TRANG	30/10/1993					
8	200	DTZ1252203300108	NGUYỄN THỊ	TRANG	16/02/1994					
9	201	DTZ1253201010050	TRẦN THỊ THU	TRANG	22/07/1994					
10	202	DTZ1156110042	VI THỊ THU	TRANG	19/07/1993					
11	203	DTZ1252203300085	ĐỖ THỊ	TRIỀU	02/02/1994					
12	204	DTZ1156100146	TỐNG THỊ HỒNG	VÂN	18/02/1991					
13	205	DTZ1257601010144	TRẦN THỊ	VÂN	25/03/1994					
14	206	DTZ1254202010041	NGUYỄN TƯỜNG	VI	14/06/1994					
15	207	DTZ1252203100027	KHUẤT HỮU	VIỆT	26/09/1994					
16	208	DTZ1156130083	LƯƠNG XUÂN	VIỆT	24/10/1993					
17	209	DTZ1252201130040	LỤC THẾ	VỊNH	13/08/1993					
18	210	DTZ1152320114	MA KIÊN	VŨ	02/04/1992					
19	211	DTZ1152320175	MA KHÁNH	XUÂN	13/07/1993					
20	212	DTZ1252203300010	ĐỖ THỊ	YẾN	04/05/1994					
21	213	DTZ1252203300096	HOÀNG HẢI	YẾN	28/09/1994					
22	214	DTZ1253404010110	HOÀNG THỊ MINH	YẾN	11/10/1994					
23	215	DTZ1252203300071	NGUYỄN PHƯƠNG	YẾN	03/07/1994					
24	216	DTZ1252203300074	PHẠM THỊ	YẾN	18/09/1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:……

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:……

TRUNG TÂM TH-NN

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2016 (PHẦN TN MÁY)

Mã danh sách thi:CNN331_07/05/2016_4_10 Lần thi: Phong Thi:
Ngày thi:07/05/2016 Ca thi: Ca 3C (15:10 - 15:50) GĐ: PM 1

STT	SBD	Mã SV	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Chữ ký	Điểm thi (bằng số)	Điểm thi (bằng chữ)	Ghi chú
1		NN4686	Hoàng Thị	Dịu	3.1.1991					
2		NN4687	Dương Thị	Dung	16.12.1994					
3		NN4688	Hà Văn	Dũng	30.12.1993					
4		NN4689	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10.7.1993					
5		NN4690	Nguyễn Thị	Duyên	20.6.1994					
6		NN4691	Lê Quang	Hải	29.9.1992					
7		NN4692	Nguyễn Thị	Hạnh	24.6.1994					
8		NN4693	Hoàng Văn	Hậu	28.10.1993					
9		NN4694	Đỗ Thị	Hiền	10.8.1993					
10		NN4695	Nguyễn Thị	Huệ	25.5.1994					
11		NN4696	Hoàng Ngọc	Hùng	24.12.1989					
12		NN4697	Triệu Thị	Liên	12.2.1993					
13		NN4698	Đặng Thị	Oanh	11.3.1994					
14		NN4699	Triệu Thị	Phượng	2.11.1990					
15		NN4700	Ma Thị	Quyên	22.2.1978					
16		NN4701	Phạm Minh	Tâm	27.12.1994					
17		NN4702	Hoàng Thị	Thịnh	5.10.1994					
18		NN4703	Hoàng Thị	Thảo	29.12.1992					
19		NN4704	Nguyễn Đức	Toàn	18.4.1994					
20		NN4705	Hoàng Thị Thu	Trang	27.11.1992					
21		NN4706	Hoàng Văn	Trọng	17.12.1994					
22		NN4707	Trần Văn	Trọng	29.11.1992					
23		NN4708	Nguyễn Văn	Trung	29.1.1993					
24		NN4709	Lê Dung	Tú	15.3.1993					
25		NN4710	Trần Thị	Vân	29.11.1993					
26		NN4711	Nguyễn Thị	Yến	15.3.1994					

Ghi chú: Danh sách này gồm:

Số sinh viên có mặt …….. Số sinh viên vắng mặt……..Tổng số bài thi……. Tổng số tờ giấy thi:……

Số sinh viên vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1:…… Cán bộ chấm thi 1:…….

Cán bộ coi thi 2:…… Cán bộ chấmi thi 2:…….

TRUNG TÂM TH-NN